

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 11/6/2020
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Văn Văn;
2. Bà Vũ Thị Hòa

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lương Thế Trung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà:*
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc kiện “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn L

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị B.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. “*Có mặt*”

2. *Bị đơn:* Bà Su Thị D

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “*Vắng mặt*”

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Hoàng Văn S

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3.2. Chị Hoàng Thị S

Địa chỉ: Tổ 11, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai

3.3. Chị Hoàng Thị M

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3.4. Anh Hoàng Văn L2

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M: Anh Hoàng Văn L2 (theo giấy ủy quyền ngày 24/3/2020) “Vắng mặt”

3.5. Anh Hoàng Văn P.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

4. Người làm chứng

4.1. Ông Nguyễn Xuân N

Địa chỉ: Xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

4.2. Ông Hoàng Ngọc B

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông Hoàng Văn L trú tại Thôn Đ, xã T. Trong thời gian từ những năm 1990 trở về trước, gia đình ông L đã khai hoang được một thửa đất để nhằm mục đích trồng rừng, xung quanh đã được đào rãnh khoanh vùng cẩn thận, gia đình ông L đã trồng toàn bộ cây trên đất đó. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường (cũ) nay là thành phố Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 126816 tháng 12/2001, vào sổ số: 01759/QSDĐ mang tên “Hộ ông Hoàng Văn L”. Tổng diện tích được cấp sử dụng là 32.000 m² đất Lâm nghiệp tại Tờ bản đồ số 201 K2, thửa số 04, thời hạn sử dụng 50 năm đến ngày 30/11/2051.

Đến năm 2004 gia đình ông L có lên đất rừng kiểm tra thì phát hiện bà D đã phát hết cây tái sinh của gia đình ông L và trồng mới cây của bà D vào đó. Ông L có yêu cầu bà D trả lại đất cho ông L, nhưng bà D nói đó là đất của bà D. Do nhiều lần yêu cầu bà D không trả đất, nên năm 2005 ông L có làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T giải quyết. Tại biên bản ngày 9/3/2005 về việc giải quyết tranh chấp đất lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân xã T đã đi đến thống nhất giải quyết là: “1. Số cây mỡ bà D trồng là 58 cây, ông L có trách nhiệm để lại cho bà D đến khi sử dụng được làm nhà cửa trong vòng từ 7 đến 10 năm. 2. Hai gia đình đi đến thống

nhất: bà D không phát, phá tranh chấp nữa đến khi chặt cây nên cố gắng giữ hạn chế thấp nhất làm ảnh hưởng đến cây khác, không bắt đền nhau. 3. Ông L, bà H bồi dưỡng cho gia đình bà D là 40.000đ (bồi dưỡng công phát), bà D đã nhận đủ tiền, từ nay trở đi không bên nào thắc mắc với nhau nữa. Toàn bộ những cây đã phát bà D để lại cho ông L sử dụng thu dọn”.

Theo biên bản giải quyết ngày 9/3/2005 thì hạn cuối cùng là năm 2015, bà D phải chặt cây và trả lại đất cho gia đình ông L. Đến năm 2018 gia đình ông L có yêu cầu bà D chặt cây nhưng bà D không chặt và nói là đất của bà. Ông L đã phải tiếp tục làm đơn lên trưởng thôn và UBND xã đề nghị giải quyết. Thôn và Ủy ban nhân dân xã cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng bà D không hợp tác. Sau nhiều lần hòa giải không thành, ngày 19/11/2019 UBND xã T đã có công văn số 114/UBND trả lời đơn thư cho hai gia đình là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trên.

Đến khoảng ngày 13/12/2019 gia đình bà D đã chặt hết 58 cây gỗ trên đất của gia đình ông L. Sau đó gia đình ông L có lên dọn dẹp để trồng cây mới thì bà D lại ra giữ đất nói là đất đỏ của nhà bà, không cho gia đình ông L canh tác. Do vậy ông L đã làm đơn khởi kiện bà Su Thị D ra Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai để đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Su Thị D phải di dời tài sản trên đất và trả lại diện tích đất là 1935.3 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AH 311104 ngày 04/5/2006 mang tên hộ ông Hoàng Văn L theo kết quả thẩm định tại Tòa án.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án Bị đơn trình bày: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa gia đình bà D và ông L là khoảng năm 1980, bà D và chồng là ông Hoàng Văn S có tự mình khai hoang được một phần đất để trồng rừng, trồng cây phát triển kinh tế. Sau khi khai phá, gia đình vẫn sử dụng ổn định, thường xuyên trồng cây lúa nương trên đất. Đến khoảng năm 1993, gia đình bắt đầu chuyển sang trồng cây mỡ trên toàn bộ phần Quyền sử dụng đất đó không xảy ra tranh chấp gì. Cho đến khoảng năm 2005, bắt đầu xảy ra tranh chấp với hộ ông L, gia đình nên phát cỏ trồng thêm cây, thì gia đình ông L không đồng ý, cho rằng phần Quyền sử dụng đất đó là của gia đình ông L, không cho gia đình bà trồng cây thêm. Việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải vào ngày 09/3/2005, nội dung hòa giải bà D không nhớ, do không biết chữ. Phần chữ ký, trong biên bản về việc tranh chấp đất lâm nghiệp ngày 09/3/2005, không phải chữ ký của bà D. Đến năm 1998, ông Hoàng Văn S mất, từ đó đến nay bà D vẫn tiếp tục quản lý sử dụng phần quyền sử dụng đất, cho đến khoảng tháng 11/2019, thì lại tiếp tục xảy ra tranh chấp, gia đình thu hoạch số cây mỡ trồng từ năm 1993, thì gia đình ông L lên tranh chấp, chặt bỏ toàn bộ số cây mỡ còn lại mới trồng, còn nhỏ. Sau đó gia đình ông L trồng quế vào khu đất đó, đến nay gia đình ông L đang trồng quế và quản lý, sử dụng khu đất tranh chấp. Gia đình bà D cũng được cấp 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BH 324995 ngày 03/7/2012, tuy nhiên bản thân bà D và gia đình cũng không biết được đối với phần quyền sử dụng đất đang tranh chấp với ông L có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà không, bởi phần Quyền sử dụng đất của gia đình bà D hiện đang sử dụng rải rác nhiều nơi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà D không đồng ý bởi vì gia đình bà D đã sử dụng ổn định phần đất này từ trước năm 1993. Sau khi có kết quả thẩm định của Tòa án, xác định được phần Quyền sử dụng đất đang tranh chấp thuộc giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn L, vì vậy bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình bà được quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp do công sức quản lý sử dụng đất từ trước đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn L

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn P nhất trí với ý kiến của bị đơn bà Su Thị D.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Su Thị D phải trả cho hộ ông Hoàng Văn L diện tích đất đang tranh chấp, gia đình ông L sẽ bồi thường cho bà Su Thị D giá trị tiền cây trên đất; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn P không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 203 của Luật đất đai 2013; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L đối với bà Su Thị D: Buộc bà Su Thị D và anh Hoàng Văn P phải trả cho hộ gia đình ông Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 diện tích đất 1935,3 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH311104, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00016 do Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp ngày 04/5/2006 cho hộ ông Hoàng Văn L.

Buộc ông Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 phải trả cho bà Su Thị D và anh Hoàng Văn P số tiền giá trị cây trên đất là 1.166.800 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng)

Tuyên án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu xem xét, khiếu nại đề gì về thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn L2 vắng mặt không có lý do mặc Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 203 Luật đất đai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng:

Tại biên bản hòa giải ngày 9/3/2005 về việc giải quyết tranh chấp đất lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân xã Tả Phời đã đi đến thống nhất giải quyết là: “1. Số cây mỡ bà D trồng là 58 cây từ 1993 ông L có trách nhiệm để lại cho bà D đến khi sử dụng được làm nhà cửa trong vòng từ 7 đến 10 năm. 2. Hai gia đình đi đến thống nhất: bà D không phát, phá tranh chấp nữa đến khi chặt cây nên cố gắng giữ hạn chế thấp nhất làm ảnh hưởng đến cây khác, không bắt đền nhau. 3. Ông L, bà H bồi dưỡng cho gia đình bà D là 40.000đ (bồi dưỡng công phát), bà D đã nhận đủ tiền, từ nay trở đi không bên nào thắc mắc với nhau nữa. Toàn bộ những cây đã phát bà D để lại cho ông L sử dụng thu dọn”.

Nội dung hòa giải bà D cho rằng bà không nhớ, do không biết chữ, phân chữ ký, trong biên bản về việc tranh chấp đất lâm nghiệp ngày 09/3/2005, không phải chữ ký của bà D. Tại công văn số 114 ngày 19/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã T trả lời đơn của ông Hoàng Văn L và bà Su Thị D (BL 51) đã khẳng định “ Việc tranh chấp đất đai đã được Ủy ban nhân dân xã T, kiểm lâm địa bàn và đại diện thôn cùng 02 hộ gia đình tranh chấp đã giải quyết như sau: 1. Số cây mỡ bà D trồng là 58 cây ông L có trách nhiệm để lại cho bà D đến khi sử dụng được làm nhà ở trong vòng từ 7 đến 10 năm. 2. Hai gia đình đi đến thống nhất bà D không phát, phá tranh chấp nữa. 3. Ông L, bà H bồi dưỡng cho gia đình bà D là 40.000đ (bồi dưỡng công phát), bà D đã nhận đầy đủ”. Tại biên bản xác nhận (BL 117) ông Nguyễn Xuân N xác nhận “Tôi là Nguyễn Xuân N là người lập biên bản giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa ông Hoàng Văn L và bà Su Thị D là đúng sự thật, hiện nay bà Su Thị D chưa chặt cây trả lại đất cho ông Hoàng Văn L là sai với biên bản làm việc ngày 09 tháng 3 năm 2005 của tổ công tác địa bàn xã T, bà D đã nhận tiền và ký cam đoan.”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2020 (BL 148) ông Hoàng

Ngọc B khai “ Nguồn gốc đất tranh chấp theo tôi là do hai vợ chồng D khai phá, sử dụng từ khoảng năm 1993....Tôi không có văn bản giấy tờ gì về phần quyền sử dụng đất đang tranh chấp là của ai cả...”. Tại phiên tòa anh Hoàng Văn P cũng xác nhận mẹ anh bà Su Thị D đã nhận số tiền 40.000 đồng của gia đình ông Hoàng Văn L. Qua nội dung hòa giải giữa ông Hoàng Văn L và bà Su Thị D, lời khai của những người làm chứng xác định được nguồn gốc đất trước đây là của gia đình ông Hoàng Văn L, năm 1993 gia đình bà D có trồng cây mỗ trên diện tích đất này, khi chính quyền địa phương tiến hành hòa giải hai bên đã thống nhất ông L để cho bà D sử dụng số cây đã trồng trong vòng từ 7-10 năm, bà D đã nhận 40.000 đồng tiền bồi dưỡng công phát của gia đình ông L và hai bên cam kết không phát phá, tranh chấp nữa. Như vậy việc ông L cho rằng nguồn gốc đất là của gia đình ông là có căn cứ.

[2.2] Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất:

Năm 2001 ông Hoàng Văn L kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 126861, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01759/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai cấp tháng 12/2001 cho hộ ông Hoàng Văn L với diện tích được cấp sử dụng là 32.000 m² đất Lâm nghiệp, tờ bản đồ số 201 K2, thửa số 04, thời hạn sử dụng 50 năm đến ngày 30/11/2051. Năm 2006 Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH311104, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00016 cấp ngày 04/5/2006 cho hộ ông Hoàng Văn L với diện tích được cấp 15127,0 m², tờ bản đồ số 01, thửa đất số 47.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai xác định: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Hoàng Văn L và bà Su Thị D có diện tích 1935,3 m² từ các vị trí 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 6 trên sơ đồ thẩm định nằm hoàn toàn trong phần quyền sử dụng đất đã được cho hộ ông Hoàng Văn L số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: AH311104 ngày 04/5/2006.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện: Theo phân tích đánh giá tại mục [2.1], mục [2.2], đối chiếu với quy định của pháp luật về đất đai. Hội đồng xét xử khẳng định diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Hoàng Văn L vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L đối với bà Su Thị D.

[3] Về tài sản trên đất: Qua xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản xác định giá tài sản trên phần đất tranh chấp tài sản trên đất gồm 13 cây trẩu 02 năm tuổi trị giá 520.000 đồng, 07 cây mỗ 04 năm tuổi trị giá 210.000 đồng, 01 cây trám 6 năm tuổi trị giá 250.000 đồng, 15 cây xoan 02 năm tuổi trị giá 162.000 đồng, 02 cây quế 02 năm tuổi trị giá 24.800 đồng. Tổng trị giá 1.166.800 đồng. Hộ ông Hoàng Văn L nhất trí bồi thường cho bà Su Thị D tiền giá trị cây trên đất.

[4] Về án phí: Bà Su Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Hoàng Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần bồi thường

tài sản trên đất. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Su Thị D phải chịu 9.735.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Hoàng Văn L không yêu cầu tính lãi xuất chậm thi hành án khoản tiền chi phí thẩm định tại chỗ

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai 2013; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, điều 288 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L đối với bà Su Thị D:

Buộc bà Su Thị D và anh Hoàng Văn P phải trả cho hộ gia đình ông Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 diện tích đất 1935,3 m² từ các vị trí 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 6 trên sơ đồ thẩm định, diện tích đất này nằm hoàn toàn trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH311104, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00016 do Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cấp ngày 04/5/2006 cho hộ ông Hoàng Văn L. *(Có bảng kê tọa độ và trích lục thửa đất kèm theo, là phần không tách rời của bản án),*

Buộc ông Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 phải trả cho bà Su Thị D số tiền giá trị cây trên đất là 1.166.800 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng) Hoàng Văn L, anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 mỗi người phải trả 233.360 đồng (Hai trăm hai mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Su Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận ông Hoàng Văn L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0006563 ngày 07/01/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Su Thị D phải chịu 9.735.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Hoàng Văn L đã nộp tạm ứng số tiền này, do vậy bà Su Thị D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 9.735.000 đồng (Chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

4. quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh anh Hoàng Văn S, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị M, anh Hoàng Văn L2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Lanh